

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 100/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2017, giữa:

-Nguyên đơn: Anh T N G, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Số nhà 727, Tổ 23, ấp V L, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.

-Bị đơn: Chị N T M H, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Số nhà 829, Tổ 27, ấp V L, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh T N G và chị N T M H.

2.Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về con chung: Chị N T M H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên T M Đ, sinh ngày 09-6-2015.

Chị N T M H và các thành viên trong gia đình chị H không được cản trở anh T N G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con (Chị H phải tạo điều kiện cho anh G được đưa cháu Đ về thăm gia đình bên nội nếu cháu đồng ý).

Anh T N G lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh G.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T N G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo mức bằng 01 (một) mức lương cơ bản trên tháng theo từng thời điểm cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2017, chị N T M H đại diện nhận.

-Về tài sản chung: Anh T N G đồng ý chia cho chị N T M H 10.000.000đ (mười triệu đồng) trong hạn 7 ngày kể từ ngày 23-6-2017. Chị H đồng ý nhận.

-Về tài sản riêng: Anh T N G đồng ý trả lại chị N T M H 01 tủ gỗ ngang 1,8m cao 2m; chị H sẽ đến nhận trong 7 ngày kể từ ngày 23-6-2017.

-Về nợ chung: Không có.

-Về án phí:

Anh T N G đồng ý chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000558 ngày 31-3-2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Hoàn trả cho anh T N G 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Chị N T M H đồng ý chịu 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) án phí chia tài sản.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Đông Hoà